TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH TN
HỘI ĐỒNG THI TN LỚP
TCLLCT-HC HỆ KTT K46
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 16 tháng 6 năm 2020

ĐIỂM THI TỐT NGHIỆP

LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 46, TẠI TRƯỜNG

Khối kiến thức III: Kỹ năng lãnh đạo, quản lý và nghiệp vụ công tác Đảng, Mặt trận tổ quốc và đoàn thể nhân dân"

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	SBD	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
01	Doãn Tuấn Anh	16/7/1987	01	04	7.5	*Bảy rưỡi*	
02	Vũ Ngọc Anh	25/5/1982	02	02	7.5	*Bảy rưỡi*	
03	Trần Quang Bách	26/5/1990	03	20	7.0	*Bảy*	
04	Trần Ngọc Bích	27/01/1984	04	19	7.5	*Bảy rưỡi*	
05	Phạm Thúy Biên	02/3/1985	05	03	7.0	*Bảy*	
06	Nguyễn Thanh Bình	15/5/1976	06	01	8.0	*Tám*	
07	Bùi Đức Cảnh	20/7/1987	07	42	7.5	*Bảy rưỡi*	
08	Đỗ Tiến Doanh	09/5/1984	08	31	7.5	*Bảy rưỡi*	
09	Kiều Việt Dương	23/3/1987	09	25	7.0	*Bảy*	
10	Nguyễn Tiến Giang	05/4/1975	10	30	7.5	*Bảy rưỡi*	
11	Trạc Thị Vân Hà	08/9/1983	11	18	7.5	*Bảy rưỡi*	
12	Dương Thu Hà	15/12/1983	12	28	8.0	*Tám*	
13	Nguyễn Thị Thu Hằng	03/9/1969	13	46	7.5	*Bảy rưỡi*	
14	Tạ Thị Thu Hiền	22/02/1987	14	45	7.5	*Bảy rưỡi*	
15	Nguyễn Tất Hiển	03/5/1980	15	22	7.5	*Bảy rưỡi*	
16	Nguyễn Thị Thu Hòa	25/6/1984	16	13	7.5	*Bảy rưỡi*	
17	Hoàng Thu Hoài	21/11/1987	17	32	8.0	*Tám*	
18	Vũ Viết Hoàn	19/02/1969	18	23	7.5	*Bảy rưỡi*	
19	Dương Thị Ngọc Huê	06/02/1986	19	17	7.5	*Bảy rưỡi*	
20	Trần Thị Huệ	03/11/1982	20	14	8.0	*Tám*	
21	Phạm Đức Hùng	28/8/1976	21	39	8.0	*Tám*	

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	SBD	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
22	Hoàng Quang Huy	01/8/1986	22	52	7.5	*Bảy rưỡi*	
23	Nông Nhật Huy	22/11/1972	23	09	7.0	*Bảy*	
24	Phạm Trung Kiên	09/12/1981	24	43	7.5	*Bảy rưỡi*	
25	Nông Thị Liên	20/11/1964	25	33	7.5	*Bảy rưỡi*	
26	Cao Sỹ Linh	10/11/1975	26	21	7.0	*Bảy*	
27	Phạm Thị Thùy linh	13/01/1989	27	41	7.5	*Bảy rưỡi*	
28	Nguyễn Đức Long	21/6/1977	28	36	7.5	*Bảy rưỡi*	
29	Hoàng Ngọc Long	24/9/1985	29	47	7.5	*Bảy rưỡi*	
30	Nguyễn Bằng Long	24/8/1969	30	10	7.0	*Bảy*	
31	Bùi Thị Hồng Nhung	04/10/1989	31	27	7.5	*Bảy rưỡi*	
32	Dương Văn Phong	19/12/1977	32	15	7.5	*Bảy rưỡi*	
33	Phạm Thị Thanh Phương	07/12/1979	33	37	8.0	*Tám*	
34	Dương Quốc Phương	08/01/1981	34	48	7.0	*Bảy*	
35	Vũ Thị Phượng	29/9/1985	35	07	7.5	*Bảy rưỡi*	
36	Hoàng Văn Quảng	18/10/1989	36	51	7.0	*Bảy*	
37	Trần Minh Quân	05/7/1979	37	05	7.5	*Bảy rưỡi*	
38	Phạm Trường Sinh	26/12/1981	38	55	7.0	*Bảy*	
39	Nguyễn Thị Tâm	08/11/1985	39	11	7.5	*Bảy rưỡi*	
40	Tạ Văn Thái	25/11/1984	40	35	8.0	*Tám*	
41	Đỗ Xuân Thắng	18/7/1988	41	26	7.0	*Bảy*	
42	Nguyễn Văn Thắng	15/12/1981	42	54	7.5	*Bảy rưỡi*	
43	Dương Thị Hoài Thu	19/12/1981	43	08	8.0	*Tám*	
44	Vũ Thị Thu	26/7/1982	44	06	7.0	*Bảy*	
45	Đoàn Thị Thúy	13/6/1980	45	29	7.0	*Bảy*	
46	Lý Trần Lệ Thủy	28/11/1981	46	44	7.5	*Bảy rưỡi*	
47	Lý Lê Trang	27/12/1984	47	40	7.5	*Bảy rưỡi*	
48	Mai Ngọc Tú	28/6/1986	48	49	7.0	*Bảy*	
49	Nguyễn Anh Tuấn	25/9/1985	49	24	7.5	*Bảy rưỡi*	

STT	Họ và tên	Ngày tháng Năm sinh	SBD	Số phách	Điểm		Ghi chú
					Số	Chữ	
50	Đào Minh Tuấn	28/10/1981	50	16	7.0	*Bảy*	
51	Vũ Thanh Việt	19/9/1972	51	53	7.5	*Bảy rưỡi*	
52	Đặng Quang Dũng	19/8/1983	52	34	7.0	*Bảy*	
53	Vũ Đình Thi	12/8/1986	53	38	7.0	*Bảy*	
54	Nông Văn Nam	29/9/1979	54	12	7.5	*Bảy rưỡi*	K11 Võ Nhai
55	Đặng Văn Ký	01/10/1973	55	50	7.5	*Bảy rưỡi*	K11 Võ Nhai

THƯ KÝ

Nguyễn Phúc Ái

CHỦ TỊCH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thu Huyền